

UBND PHƯỜNG YÊN HÒA
TRƯỜNG TIỂU HỌC BRENDON

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục tiểu học, năm học 2026--2027

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	22/22	3m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	22	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhò	0	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	4612 m ²	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	3228 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng	2330 m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1100 m ²	
2	Diện tích phòng tin học (m ²)	50 m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	150 m ²	
4	Diện tích phòng đa năng (m ²)	100 m ²	
5	Diện tích phòng khác (m ²)	1030 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	19	
1	Khối lớp 1	4	
2	Khối lớp 2	4	
3	Khối lớp 3	4	
4	Khối lớp 4	4	
5	Khối lớp 5	3	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	24	
IX	Tổng số thiết bị	52	
1	Ti vi	19	
3	Ipad	24	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	19	

STT	Nội dung	Số lượng / (m ²)
X	Nhà bếp	150 m ²
XI	Nhà ăn	400 m ²



	Nội dung	Số lượng phòng/Tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	19 phòng - 950 m ²	357 chỗ	2,66 m ²
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/nữ	Chung	Nam/nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4	0	12	0	1 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*) Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu.

			Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		Lưới, có máy phát điện riêng	
XVII	Kết nối internet (ADSL)		Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường		Có	
XIX	Tường rào xây		Có	

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2026